

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Đường dây 220kV Đô Lương - Nam Cẩm”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường dây 220kV Đô Lương - Nam Cẩm tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 10/11/2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường dây 220kV Đô Lương - Nam Cẩm đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 5339/EVNNPT-ĐT ngày 21/12/2021 của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8214/STNMT-BVMT ngày 30/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường dây 220kV Đô Lương - Nam Cẩm (sau đây gọi là Dự án) do Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Đô Lương, Nghi Lộc, Hưng Nguyên; Chủ tịch UBND các xã: Xuân Sơn, Minh Sơn, Nhân Sơn, Mỹ Sơn, Trù Sơn và Đại Sơn (huyện Đô Lương); Nghi Kiều, Nghi Lâm, Nghi Mỹ, Nghi Công Bắc, Nghi Phương và Nghi Hoa (huyện Nghi Lộc) và Hưng Trung (huyện Hưng Nguyên); Tổng Giám đốc Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“ĐƯỜNG DÂY 220KV ĐÔ LƯƠNG - NAM CẨM”
(Kèm theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 06/01/2022
của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Đường dây 220kV Đô Lương - Nam Cẩm.

1.2. Chủ dự án:

- Chủ dự án: Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (giao Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung quản lý)

+ Địa chỉ liên hệ: 18 Trần Nguyễn Hãn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

+ Người đại diện: ông Phạm Lê Phú; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

+ Điện thoại: 02422204444 Fax: 02422204445

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư và thi công xây dựng: Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung thực hiện.

- Giai đoạn vận hành: Công ty Truyền tải điện 1 thực hiện.

1.3. Địa điểm và phạm vi thực hiện dự án:

- Tuyến đường dây 220kV mạch kép dài 35,6km, đi qua địa phận 13 xã thuộc 03 huyện: huyện Đô Lương, huyện Nghi Lộc và huyện Hưng Nguyên - tỉnh Nghệ An. Cụ thể như sau:

+ Đoạn tuyến qua huyện Đô Lương dài 16,905km: xã Xuân Sơn, Minh Sơn, Nhân Sơn, Mỹ Sơn, Trù Sơn và Đại Sơn;

+ Đoạn tuyến qua huyện Nghi Lộc dài 16,804km: xã Nghi Kiều, Nghi Lâm, Nghi Mỹ, Nghi Công Bắc, Nghi Phương và Nghi Hoa;

+ Đoạn tuyến qua huyện Hưng Nguyên dài 1,914km: xã Hưng Trung.

- Điểm đầu: có tọa độ X: 2085768.219; Y: 562357.804 - Poóc tích 220kV trạm 220kV Đô Lương.

- Điểm cuối: có tọa độ X: 2079652,459; Y: 591027,952 - đấu nối vào TBA 220kV Nam Cẩm.

1.4. Quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án:

1.4.1. Quy mô của dự án

Xây dựng mới tuyến đường dây mạch kép 220kV với các thông tin như sau:

- Cấp điện áp: 220kV;

- Số mạch: 02 mạch;

- Chiều dài tuyến: khoảng 35,6km;
- Hành lang tuyến: 24 mét (từ tim tuyến ra mỗi bên 12 mét);
- Dây dẫn: dây nhôm lõi thép 2xACSR-330/43 cho cấp điện áp 220kV (phân pha 2 dây/pha).

Đất cần phải chuyển mục đích sử dụng là 9,409ha. Trong đó: Diện tích đất thu hồi vĩnh viễn để xây dựng móng cột là: rừng phòng hộ 0,356ha (hiện trạng đất là rừng trồng keo, thông, bạch đàn), rừng sản xuất 0,573ha, đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp 3,176ha; Và diện tích đất rừng nằm trong hành lang tuyến: rừng phòng hộ 5,304ha.

1.4.2. Công suất

Công suất chịu tải: 272,4-j46,2MVA (136,2-j46,2MVA/01 mạch x 02 mạch).

1.4.3. Công nghệ

Dự án Đường dây 220kV Đô Lương - Nam Cẩm sử dụng công nghệ dẫn điện trên không để truyền tải điện từ TBA 220kV Đô Lương đến TBA 220kV Nam Cẩm.

1.4.4. Các công trình của dự án

* Các hạng mục công trình chính:

- Tổng số cột: 96 cột, trong đó: 48 cột góc lải (cột néo) và 48 cột đỡ.
- + Số cột đi qua rừng sản xuất là 09 cột, chiều cao từ 36m-55m;
- + Số cột đi qua rừng phòng hộ là 07 cột, chiều cao từ 36m-48m;
- + Số cột không đi qua rừng sản xuất, rừng phòng hộ là 80 cột, chiều cao từ 19m-80m.
- Kéo đường dây: 220kV, mạch kép.

* Các công trình phụ trợ:

Bãi tập kết vật liệu: xây dựng 02 bãi tập kết vật liệu tại 02 cung đoạn thi công. Vị trí 02 bãi tập kết vật liệu đặt tại nhà văn hóa xóm Thượng Đại, xã Minh Sơn, huyện Đô Lương (đoạn G4-G5) và nhà văn hóa xóm 6 mới, xã Nghi Công Bắc, huyện Nghi Lộc (đoạn G21-G22), gồm các công trình sau:

- Kho kín chứa xi măng, phụ kiện, cách điện diện tích 224,5m²;
- Kho hở chứa tiếp địa, thép móng, dây dẫn, bãi gia công thép móng diện tích 343,16m²;
- Bãi lộ thiên: ván khuôn, cột thép 560,72m²;

* Công trình bảo vệ môi trường (phục vụ giai đoạn thi công):

- Hệ thống các rãnh thu, hồ lắng nước mưa, nước thải xây dựng:

+ Rãnh thu nước: chiều rộng x chiều sâu = 1,0m x 1,0m, chiều dài tùy thuộc vào điều kiện địa hình và khoảng cách từ vị trí rửa cốt liệu đến hố lắng.

+ Hố lắng có dung tích khoảng 5,0 ÷ 8,0m³.

- Hệ thống các rãnh thu, hố lắng nước mưa:

+ Kích thước mặt cắt ngang rãnh: chiều sâu x chiều rộng đáy x chiều rộng bề mặt = 0,5 m x 0,5 m x 0,8 m;

+ Kích thước hố ga: chiều rộng x chiều dài x chiều sâu = 1,0m x 1,0m x 1,0m

- Thùng đựng rác thải sinh hoạt: 15 thùng/2 cung đoạn thi công, dung tích 50-120lít/thùng;

- Thùng đựng chất thải nguy hại: 15 thùng/2 cung đoạn thi công, dung tích: 50-120lít/thùng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Bảng 1. Các tác động môi trường chính của dự án

STT	Nguồn gây tác động	Các loại chất thải phát sinh/thành phần	Đối tượng/phạm vi, quy mô bị tác động
A	TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI XÂY DỰNG DỰ ÁN		
I	Các tác động liên quan chất thải		
1	Giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án và phát quang hành lang tuyến	- Chất thải rắn: cây cối chặt bỏ, lớp đất bề mặt; - Suy giảm diện tích rừng.	- Môi trường đất: chiếm dụng đất tạm thời làm kho, bãi tập kết; - Môi trường nước: tăng độ đục và các chất lơ lửng trong nước do các chất bề mặt bị xói mòn rửa trôi theo dòng chảy mưa.
2	Công nhân xây dựng đến và tạm trú trên địa bàn các xã dự án	- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; - Nước thải sinh hoạt của công nhân;	- Môi trường nước; - Môi trường đất.
3	Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng	- Bụi, tiếng ồn. - Khí thải: CO, SO _x , NO _x , VOC.	- Môi trường không khí; - Sức khỏe (do bụi, khí thải, tiếng ồn) và an toàn (tai nạn giao

STT	Nguồn gây tác động	Các loại chất thải phát sinh/thành phần	Đối tượng/phạm vi, quy mô bị tác động
			thông) của công nhân xây dựng, người dân địa phương lân cận khu vực dự án, người và phương tiện tham gia giao thông dọc các tuyến đường vận chuyển.
4	Thi công xây dựng móng trụ, dựng cột.	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi, tiếng ồn. - Khí thải: CO, SO_x, NO_x, VOC... - Nước thải xây dựng; - Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công; - Chất thải rắn xây dựng thông thường; - Chất thải nguy hại (dầu mỡ thải trong quá trình sửa chữa bảo dưỡng xe máy thi công, rửa xe máy thi công, giẻ lau dính dầu mỡ, thùng đựng sơn,...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường không khí; - Môi trường nước; - Môi trường đất.
5	Lắp đặt sứ, phụ kiện và kéo dây	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn: thùng chứa thiết bị,...; - Chất thải nguy hại: dầu thải, thùng đựng sơn,... 	Môi trường đất.
II Các tác động không liên quan chất thải			
1	Rà phá bom mìn, vật nổ tồn dư sau chiến tranh	Mất an toàn cho công nhân, người dân trong quá trình rà phá nếu các biện pháp an toàn không được tuân thủ.	An toàn của công nhân xây dựng và người dân địa phương, đặc biệt là các khu dân cư lân cận.
2	Thu hồi đất, thuê/mượn đất để xây dựng dự án	Giảm quỹ đất cho các mục đích sử dụng khác.	- Các hộ dân có đất thu hồi, thuê/mượn đất để xây dựng dự án, có nhà

STT	Nguồn gây tác động	Các loại chất thải phát sinh/thành phần	Đối tượng/phạm vi, quy mô bị tác động
			<p>ở/công trình trong hành lang an toàn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên rừng và môi trường sinh thái; - Cảnh quan khu vực.
3	Hoạt động của công nhân và thi công xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến an ninh trật tự, giao thông trên địa bàn các xã khu vực dự án. - An toàn lao động cho công nhân, người dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sức khỏe của công nhân, người dân. - Gia tăng áp lực lên vấn đề bảo đảm an ninh trật tự tại địa phương. - Cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ (có nguy cơ gây ra hư hại, sụt lún nền đường nếu vận chuyển quá tải trọng của tuyến đường). - Sức khỏe và an toàn (tai nạn lao động) của công nhân, người dân khu vực lân cận. - Rủi ro, sự cố: cháy nổ,...
4	Hoạt động hoàn nguyên, hoàn thổ đối với diện tích đất thuê/mượn để xây dựng dự án	Hoàn trả quỹ đất cho các mục đích đã sử dụng.	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ dân cho thuê/mượn đất cho xây dựng dự án; - Tài nguyên rừng và môi trường sinh thái; - Cảnh quan khu vực.
B TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH			
I	Bảo dưỡng, sửa chữa công trình và phát quang hành lang an toàn tuyến	<p><i>* Liên quan đến chất thải:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn: sứ cách điện bị thay thế, hoạt động phát quang cây cối; - Các thiết bị điện thay 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân - Công nhân vận hành; - Cơ sở hạ tầng (giao thông đường bộ, đường dây điện); - Môi trường đất, nước, không khí.

STT	Nguồn gây tác động	Các loại chất thải phát sinh/thành phần	Đối tượng/phạm vi, quy mô bị tác động
		thể. - Chặt tia cây cối trong và ngoài hành lang an toàn đảm bảo an toàn trong quá trình truyền tải điện của công trình làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái trong khu vực.	
2	Hoạt động truyền tải điện	* Không liên quan đến chất thải: - Điện từ trường; - Rủi ro, sự cố: cháy nổ, đứt dây điện, nghiêng đổ cột điện,...	- Người dân; - Công nhân vận hành.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn xây dựng

a. Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động xây dựng của công nhân xây dựng trung bình: 1,5-8,8 m³/ngày/cung đoạn thi công.
- Thành phần: chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform.

b. Nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình trộn bê tông để xây dựng móng trung bình khoảng 2,72m³/móng cột. Thành phần: chất rắn lơ lửng (SS).

2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: với số lượng công nhân kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khoảng 06 người/lần, lượng nước thải phát sinh 600 lít/ngày. Thành phần: chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), Coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn xây dựng

- Bụi phát sinh từ các hoạt động thi công đào đắp đất, san lấp phục vụ xây dựng móng và phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị; không phát tán trên diện rộng chỉ tập trung xung quanh khu vực thi công và các tuyến đường vận chuyển.

- Khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận chuyển.

- Thành phần, tính chất của bụi và khí thải chủ yếu là đất, cát, SO₂, NO_x, CO, VOC.

2.3.2. Giai đoạn vận hành

Quá trình truyền tải điện không tạo ra các loại khí thải, không có các hoạt động chuyên chở nguyên vật liệu và sản phẩm. Do đó, tác động của bụi và khí thải trong quá trình vận hành là không có.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

2.4.1. Giai đoạn xây dựng

a. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng có khối lượng khoảng 10 kg/ngày/1 vị trí móng cột. Bao gồm: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...;

- Diện tích đất bóc phủ thực vật, san gạt mặt bằng, đào đắp móng cột bao gồm lớp phủ thực vật bề mặt đất (lúa, hoa màu) là 234.265m² tương đương với tổng khối lượng thực bì thải bỏ khoảng 1.054,19 tấn.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh bao gồm các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như sắt, thép, vụn, gạch, đá, xi măng,... với tổng khối lượng khoảng 2.691,27kg/ngày;

- Chất thải phát quang thực bì để giải phóng mặt bằng chuẩn bị thi công các hạng mục của dự án với khối lượng 8.682,8 tấn.

b. Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh bao gồm dầu thải và giẻ lau dính dầu, bóng đèn thải từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công;

- Lượng dầu nhớt phát sinh trong quá trình kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng trong suốt quá trình thi công khoảng 46,67 lít/tháng, giẻ lau có dính dầu, mỡ, sơn với khối lượng 2-3kg; Bóng đèn huỳnh quang 4,8kg.

2.4.2. Giai đoạn vận hành

a. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: với số lượng công nhân kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khoảng 6 người/lần, ước tính khối lượng khoảng 3kg/ngày. Thành phần, tính chất: các loại bao bì, giấy, nilon, thủy tinh, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...;

- Sứ cách điện bị thay thế và cây cối phát quang (đối với đoạn đường dây không đi qua rừng tự nhiên).

b. Chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh bao gồm dầu thải (dầu nhớt máy), mạch điện tử, bóng đèn huỳnh quang.

- Lượng dầu thải, dầu nhớt của máy móc phục vụ bảo dưỡng đường dây phát sinh trong quá trình vận hành. Lượng dầu thải phát sinh phụ thuộc vào chu kỳ thay nhớt và bảo dưỡng xe, trung bình 3 - 6 tháng thay nhớt 1 lần, phát sinh tối đa 1 lít/lần thay đổi với xe máy và 7 lít/lần thay đổi với ô tô. Lượng dầu nhớt này chủ yếu phát sinh tại cơ sở bảo dưỡng xe

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn xây dựng

a. Nước thải sinh hoạt:

- Dự án chia làm 02 cung đoạn thi công:
 - + Cung đoạn 1: điểm đầu đến cột G16.
 - + Cung đoạn 2: cột G16 đến điểm cuối.

- Cán bộ, công nhân xây dựng thuê nhà dân hoặc nhà văn hóa thôn/xóm của địa phương để lưu trú và sinh hoạt, sử dụng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hiện có tại nơi lưu trú.

b. Nước thải xây dựng:

Nước thải thi công được thu gom thông qua hệ thống các rãnh thu, hồ lắng để làm giảm độ đục, các chất cặn bã trước khi cho chảy vào nguồn tiếp nhận. Kích thước rãnh thu và hồ lắng như sau:

- Rãnh thu nước: chiều rộng x chiều sâu = 1,0m x 1,0m, chiều dài tùy thuộc vào điều kiện địa hình và khoảng cách từ vị trí rửa cốt liệu đến hồ lắng.
- Hồ lắng có dung tích khoảng $5,0 \div 8,0\text{m}^3$. Thời gian lắng và lưu từ 1-3 giờ.

c. Nước mưa chảy tràn:

Bố trí rãnh thoát nước mưa quanh khu vực xây dựng để tránh nước chảy từ trên cao xuống tràn qua khu vực xây dựng, đặc biệt là tràn vào hồ móng.

Bố trí các máy bơm nước có công suất phù hợp để bơm lượng nước mưa bị ngấm hoặc chảy tràn vào các hồ móng. Nước sau khi bơm và nước mưa chảy tràn được dẫn vào các hồ trữ, xử lý theo phương pháp lắng trước khi chảy ra môi trường.

Rãnh thoát nước có độ dốc đáy từ 1-3%, bố trí các hồ thu nước kết hợp lắng, cách nhau khoảng 10-20m dọc theo chiều dài rãnh để tách chất rắn lơ lửng có kích thước lớn bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn trên công trường trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Kích thước rãnh thu nước và hồ lắng như sau:

- Mặt cắt ngang rãnh: chiều sâu x chiều rộng đáy x chiều rộng bề mặt = 0,5m x 0,5m x 0,8m;
- Kích thước hố ga: chiều rộng x chiều dài x chiều sâu = 1,0m x 1,0m x 1,0m.

Khu vực thi công được che chắn kỹ không để rơi vãi xà bần, xi măng, cát ra bên ngoài để giảm khả năng cuốn trôi theo nước mưa.

Thi công theo hình thức cuốn chiếu và dọn dẹp mặt bằng ngay khi hoàn thành.

Hoạt động thi công đào, đắp móng cột không được thực hiện khi trời mưa, chuẩn bị sẵn bơm nước mưa khi nước chảy vào hố móng. Sau khi bê tông hố móng hoàn thiện thực hiện đắp đất, đá và đầm nén chặt theo thiết kế.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

Các chất thải phát sinh trong quá trình quản lý và vận hành được thu gom bởi hệ thống thu gom sẵn có tại các đơn vị truyền tải.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

Giai đoạn xây dựng

- Các máy móc thiết bị, phương tiện giao thông phải đảm bảo đủ điều kiện về an toàn kỹ thuật môi trường do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp;

- Lập kế hoạch và tiến độ thi công phù hợp để khối lượng công việc trong khi đào, đắp san nền, tập kết vật liệu xây dựng hợp lý nhất nhằm hạn chế lượng xe lớn nhất trên một quãng đường thi công, giảm thiểu khí bụi thải và bụi do phương tiện thi công phát tán vào không khí;

- Phun nước tưới ẩm 2 lần/ngày những ngày nắng nóng và có gió lớn tại khu vực thi công đào đắp đất san nền, khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng, đặc biệt là trong những ngày nắng nóng kéo dài;

- Xe chở đất, vật liệu xây dựng đến công trường được che phủ bằng bạt che kín tránh rơi vãi vật liệu; đất cát gây ô nhiễm bụi dọc 2 bên tuyến đường vận chuyển đặc biệt là khi đi qua các tuyến đường có dân cư sinh sống;

- Máy móc, thiết bị, xe vận chuyển sau khi làm việc phải được rửa sạch sẽ, tránh gây vương vãi bùn đất gây ô nhiễm bụi tại khu vực bảo dưỡng, bảo trì máy móc (bên ngoài dự án);

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ phương tiện và thiết bị thi công, vận chuyển. Hạn chế sử dụng các loại xe đã quá cũ để giảm thiểu mức độ gây ô nhiễm môi trường không khí.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

3.3.1. Giai đoạn xây dựng

a. Chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Cán bộ và công nhân xây dựng thuê nhà dân hoặc nhà văn hóa của xóm để ở, sinh hoạt và sử dụng hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện có tại nơi lưu trú.

+ Tại công trường thi công: bố trí các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa composit không bị oxy hóa có dung tích khoảng 50-120lít, có nắp đậy chất thải rắn sinh hoạt ở vị trí thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương thu gom theo định kỳ về nơi tập kết theo quy định.

- Đối với đất, đá thải trong quá trình thi công móng cột:

+ Đất, đá đào thải được sử dụng để gia cố làm kè móng tại móng trụ, không đổ thải ra bên ngoài.

+ Lượng đất thiếu (ước tính 11.083m³) sẽ được mua tại các mỏ đất nằm trên địa bàn huyện Đô Lương, Nghi Lộc để vận chuyển đến các vị trí móng cột.

- Đối với cây cối chặt bỏ:

+ Xây dựng các mốc giới để xác định rõ ranh giới đất cần phát quang, tránh việc phát quang ra bên ngoài phạm vi cấp đất của dự án.

+ Thông báo kế hoạch thực hiện phát quang cho chính quyền địa phương để chính quyền địa phương và người dân giám sát khu vực phát quang theo đúng diện tích đã được cấp cho dự án.

+ Thực hiện chặt phát thu dọn cây cối (976 cây ăn quả, 36.003 cây keo, bạch đàn, thông trên diện tích chiếm dụng vĩnh viễn và 143.905 cây keo, bạch đàn, thông trong hành lang tuyến do hạn chế công năng sử dụng) chủ yếu bằng phương pháp thủ công kết hợp cơ giới để đào gốc cây tại các vị trí hố móng;

+ Cho phép người dân quanh khu vực dự án được tận dụng lượng thực bì đã phát để phục vụ cho các nhu cầu (xây dựng, chất đốt,...).

+ Với lượng thực bì còn lại được vận chuyển ra ngoài phạm vi xây dựng và hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với đất thừa do bóc lớp phủ thực vật, san gạt mặt bằng:

Lượng bóc phủ thực vật (231.480m² lúa và 2.785m² hoa màu) thải bỏ sẽ được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng ở địa phương vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b. Chất thải nguy hại

- Việc bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện cơ giới được thực hiện tại các cơ sở có chức năng xung quanh khu vực thi công Dự án;

- Tại mỗi cung đoạn, bố trí các thùng chứa có nắp đậy chứa dầu thải và giẻ lau dính dầu 50 lít đặt tại kho, bãi tập kết vật liệu để lưu chứa; khi lưu trữ đủ số lượng chất thải hoặc khi kết thúc thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

a. Đối với chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Trong quá trình vận hành, lượng rác thải của công nhân bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường dây được thu gom vào các thùng rác chuyên dụng bố trí trong khu vực nhà quản lý của Công ty Truyền tải điện Nghệ An và hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định.

- Đối với cây cối chặt tưa trong hành lang tuyến:

Chỉ cắt tưa những cây thực sự có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn tuyến đường dây theo quy định tại Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Trong hành lang tuyến không cho phép trồng các loại cây phát triển chiều cao có nguy cơ ảnh hưởng đến tuyến đường dây;

Cho người dân tận dụng lượng thực bì do cắt tưa để làm chất đốt phục vụ nhu cầu sinh hoạt.

- Đối với thiết bị thay thế, sửa chữa:

Toàn bộ thiết bị phụ kiện hư hỏng được thu gom và tập trung về kho của đơn vị vận hành, được tập trung tại những vị trí quy định trong kho, phân loại cụ thể các loại khác nhau để có phương án xử lý khác nhau. Các thiết bị hư hỏng được phân loại, lưu trữ và định kỳ đưa đi xử lý.

b. Đối với chất thải nguy hại

Chất thải trong quá trình bảo dưỡng được thu gom và lưu chứa tại kho của đơn vị vận hành và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

3.4. Biện pháp phục hồi môi trường đối với diện tích đất sử dụng tạm

- Dọn sạch các vật liệu đất đá to ở các đoạn nền đào và nền đắp thấp dưới 1,5m gây cản trở phương tiện giao thông;

- Kết cấu sau khi hoàn trả mặt bằng phải có chất lượng bằng hoặc lớn hơn hiện trạng ban đầu;

- Cao độ mặt đường, phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ và hành lang an toàn đường bộ sau khi hoàn trả phải bằng với cao độ hiện trạng ban đầu.

- Thực hiện việc hoàn trả hoàn chỉnh mặt bằng ngay sau khi hoàn tất lắp đặt kéo rải căng dây. Trường hợp cá biệt, khi không đủ thời gian thực hiện ngay việc hoàn trả nguyên trạng mặt bằng, cho phép hoàn trả tạm mặt bằng. Trường hợp hoàn trả tạm mặt bằng chỉ được duy trì tối đa trong vòng 20 ngày;

- Đối với lượng chất thải phát sinh từ quá trình thu dọn, hoàn trả mặt bằng như đất đá thừa, gạch... hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương để tiến hành vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất sang mục đích khác và các tác động khác

- Thuê đơn vị có chức năng rà soát bom mìn trước khi tiến hành thi công xây dựng các móng cột và rải dây điện.

- Thiết kế và thi công 07 trụ cột để đảm bảo chiều cao dây dẫn không ảnh hưởng đến rừng phòng hộ trong hành lang tuyến và sử dụng biện pháp căng rải dây tiên tiến để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến rừng phòng hộ;

- Thực hiện nộp các loại quỹ và lập phương án đền bù, giải phóng khu vực móng cột, hành lang tuyến, tổ chức lấy ý kiến người dân bị ảnh hưởng; thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Thực hiện bồi thường, hỗ trợ cải tạo và lắp đặt hệ thống tiếp địa cho nhà ở, công trình chưa đảm bảo các điều kiện an toàn; hỗ trợ giảm khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt đối với các khu vực đi qua khu dân cư.

- Không phát quang, chặt tía cây rừng ngoài phạm vi dự án.

- Biện pháp vận chuyển nguyên vật liệu:

+ Sử dụng các tuyến đường liên thôn, liên xã hoặc đường dân sinh, tận dụng đường công vụ của các dự án khác liền kề hiện có tại địa phương để vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị lên các vị trí thi công, không mở đường công vụ.

+ Đối với đoạn đường dây đi qua đất rừng phòng hộ: vận chuyển bằng thủ công vào các vị trí móng.

- Biện pháp kéo dây:

+ Để không ảnh hưởng đến diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất hiện có dọc theo tuyến đường dây, dây mồi sẽ được kéo rải bằng biện pháp thủ công. Chiều cao cột được thiết kế với chiều cao hợp lý đảm bảo không ảnh hưởng đến diện tích rừng trong hành lang tuyến nên trong quá trình thi công kéo rải căng dây sẽ không thực hiện nâng thêm chiều cao cột. Tuy nhiên, nếu việc đưa dây mồi lên các puli treo trên cột bị vướng, mắc cần phải cắt tía một số cành cây thì cần phải xin phép, thỏa thuận với các đơn vị quản lý và bảo vệ rừng theo các quy định hiện hành.

+ Đối với các khoảng vượt sông: khi giải cáp môi phải có thuyền đỡ dây để sợi cáp môi không bị chạm xuống nước.

+ Đối với các khoảng vượt đường giao thông: thực hiện vào thời gian mật độ lưu thông thấp và luôn có cán bộ điều phối. Làm giàn giáo bằng thép hai bên đường, khi dựng phải có độ cao phù hợp với khoảng vượt qua. Khi rải cáp môi phải đưa dây qua hệ thống giàn giáo để dây dẫn luôn nằm trên giàn giáo không bị xuống đường.

+ Đối với các khoảng giao chéo với đường dây điện cao thế hiện hữu: khi thi công kéo rải căng dây sẽ tiến hành cắt điện đường dây hiện hữu, thống nhất lịch cắt điện và thông báo rộng rãi với các hộ dùng điện để đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.

+ Đối với các khoảng giao chéo với các đường dây trung thế sẽ tiến hành bọc hotline các tuyến đường dây trung hạ thế này và lắp dựng giàn giáo đỡ dây theo quy định của Bộ Công thương.

+ Treo puli, làm giàn giáo đỡ dây hai bên đối với các khoảng vượt nhà ở/vật kiến trúc, bố trí người và phương tiện cảnh giới bảo vệ hai đầu khoảng vượt. Trong quá trình rải dây, máy hãm làm nhiệm vụ vừa nhả vừa hãm dây cùng tốc độ với máy kéo đảm bảo không ảnh hưởng đến chướng ngại vật phía dưới.

- Biện pháp giảm thiểu liên quan đến giải phóng mặt bằng:

+ Tiến hành cắm mốc ranh giới thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ; sau khi có phương án bồi thường tiến hành công khai để người dân được biết. Sau khi thực hiện xong các quy định về bồi thường, tiến hành các thủ tục bồi thường cho người dân, dưới sự giám sát của hội đồng bồi thường và địa phương;

+ Phối hợp hội đồng bồi thường khảo sát ý kiến người dân, kịp thời giải quyết các thắc mắc, khiếu nại, khiếu kiện của người dân liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ;

+ Thi công nhanh chóng, dứt điểm từng hạng mục để giảm thời gian chiếm dụng đất tạm thời.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Giai đoạn xây dựng

- Sắp xếp, bố trí thời gian, phân luồng, phân tuyến hợp lý trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị phục vụ thi công, tránh tập trung vận chuyển trên một tuyến cố định vừa làm xuống cáp các tuyến đường, vừa ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân và hoạt động giao thông trong khu vực.

- Sửa chữa, hoàn trả hiện trạng ban đầu đối với tuyến đường hiện hữu nếu gây hư hại, xuống cấp do quá trình thi công. Giám sát chất lượng đường giao thông trên các tuyến đường để kịp thời khắc phục, sửa chữa các hư hỏng, tránh làm ảnh hưởng đến giao thông của địa phương.

- Tuân thủ các giải pháp kỹ thuật, các tiêu chuẩn thiết kế khi đào đắp đất đá thi công các hạng mục công trình.

- Khi dự báo mưa lớn, công tác thi công sẽ phải ngừng, chờ đến khi hết trận mưa mới được phép thi công tiếp để đảm bảo chất lượng công trình, đặc biệt là công tác bê tông móng cột.

- Khu vực công trường xây dựng lập hàng rào cô lập và lắp các biển báo khu vực công trường đang thi công và chỉ cho người có nhiệm vụ ra vào.

- Xây dựng nội quy an toàn, phòng chống cháy nổ trong giai đoạn xây dựng, đặc biệt là tại những vị trí xây dựng trong rừng phòng hộ, rừng trồng có thảm phủ lớn.

- Tổ chức, huấn luyện và trang bị cho công nhân biết cách sơ cứu khi tình huống khẩn cấp xảy ra. Các dụng cụ y tế và thuốc men để sơ cứu có sẵn tại hiện trường.

- Các thiết bị, dụng cụ thi công phải được kiểm tra kỹ về chất lượng trước khi sử dụng. Ngoài chỉ huy công trường khi cần thiết sẽ cử một người chuyên làm nhiệm vụ giám sát an toàn và môi trường. Người này có nhiệm vụ kiểm tra dụng cụ sản xuất, trang bị bảo hộ lao động và thường xuyên hướng dẫn công nhân về an toàn và bảo vệ môi trường khi thi công.

- Công tác rải và căng dây tại vị trí giao chéo được sắp xếp vào thời gian mật độ lưu thông thấp và luôn phải có cán bộ điều phối. Làm thủ tục xin phép các cơ quan quản lý đường bộ, đường sông và cơ quan quản lý tuyến đường dây truyền tải, đường dây thông tin cáp để cho phép kéo dây vượt đường giao thông, đường sông, đường dây truyền tải điện.

- Tiến hành cắt điện đường dây cao thế hiện hữu, thống nhất lịch cắt điện và thông báo rộng rãi với các hộ dùng điện để đảm bảo an toàn trong quá trình thi công. Lắp dựng giàn giáo, nối đất giàn giáo bằng dây tiếp địa và bọc hotline.

- Sau khi dự án kết thúc, tất cả các nhà thuê tạm, kho bãi, diện tích đất mượn tạm phục vụ thi công phải được di chuyển để trả lại cảnh quan ban đầu, không gây phiền hà đến chính quyền và nhân dân địa phương.

3.6.2. Giai đoạn vận hành

- Tổ chức tập huấn an toàn điện và an toàn lao động cho tất cả các cơ sở trực thuộc của đơn vị vận hành.

- Chủ động xây dựng biện pháp phòng chống và ứng phó khi xảy ra các sự cố do thiên tai (mưa lũ, bão, động đất...).

- Định kỳ kiểm tra tình trạng an toàn của các móng cột nhằm phát hiện và xử lý các hiện tượng xói lở, lún nứt, ... kịp thời; khả năng hoạt động hiệu quả của hệ thống chống sét, thực hiện các giải pháp kỹ thuật như (kè gia cố móng, sửa chữa rãnh thoát nước...) khi thấy cần thiết.

- Định kỳ kiểm tra chất lượng công trình; Phối hợp với Ban chỉ đạo bảo vệ an toàn hệ thống điện quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các huyện, xã nơi tuyến đường dây đi qua thực hiện phương án đề phòng và xử lý sự cố đường dây, rủi ro khi sạt lở móng cột, ngã đổ đường dây nhất là mùa mưa bão.

- Xây dựng nội quy an toàn, phòng chống cháy nổ trong giai đoạn vận hành đối với những vị trí cột nằm trên đất rừng, đặc biệt là đoạn đi qua rừng phòng hộ.

- Công tác kiểm tra hành lang an toàn được thực hiện thường xuyên theo quy định của ngành điện nhằm thực hiện tốt công tác phòng chống sự cố cháy rừng.

- Đặt biển báo cấm lửa tại những vị trí cột thuộc phạm vi rừng.

- Lập kế hoạch phối hợp với đơn vị quản lý rừng và địa phương xây dựng biện pháp cụ thể phối hợp phòng chống cháy rừng.

- Định kỳ kiểm tra để phát hiện tình trạng suy giảm, hư hỏng bề mặt của cách điện do phải vận hành trong tình trạng nhiễm bẩn, chất lượng của bề mặt cách điện kém. Nghiêm cấm tất cả các đối tượng có hành vi phá hoại các thiết bị trên cột và đường dây điện...

- Phối hợp với công an địa phương, tuyên truyền và xử lý các vi phạm trộm cắp các thiết bị điện.

- Tại khu vực có các cột cao thể vượt các sông, suối, lòng hồ chứa nước đơn vị quản lý vận hành đường dây phối hợp với chính quyền địa phương ngăn cấm các hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên bờ và dưới sông để tránh sạt lở.

- Việc chặt tía, phát cành trong quá trình vận hành, bảo dưỡng đường dây:

+ Đối với đoạn tuyến đường dây đi qua rừng phòng hộ: được thiết kế vượt rừng phòng hộ, không chặt tía, phát cành, ngọn cây trong hành lang tuyến đường dây;

+ Đối với đoạn tuyến đường dây không đi qua rừng phòng hộ: trong quá trình vận hành tuyến đường dây 220kV sẽ phải chặt tía, phát cành, ngọn những cây có thể ảnh hưởng đến sự an toàn của đường dây.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Yêu cầu vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống các rãnh thu, hồ lắng nước mưa	Không

2	Thùng đựng rác thải sinh hoạt	Không
3	Thùng đựng chất thải nguy hại	Không
4	Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân	Không
5	Bạt phủ xe vận tải	Không
6	Biển cảnh báo nguy hiểm	Không

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công:

a) Khuyến khích giám sát môi trường thái

- Nước thải sinh hoạt: 02 vị trí tại khu vực nghỉ của công nhân.

- Nước thải xây dựng: 03 vị trí tại khu vực thi công móng cột trong đoạn tuyến từ G4-G5; G14-G15; G23-G24.

Các thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, tổng Coliform, dầu mỡ.

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong giai đoạn thi công.

Quy định áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt đối với nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp đối với nước thải xây dựng.

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Các thông số giám sát: vị trí lưu chứa, phân loại, tái sử dụng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, quy trình thu gom và xử lý.

- Vị trí giám sát: tại các khu vực lán trại thi công và các vị trí thi công móng cột.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

c) Giám sát việc phát quang (chặt hạ cây cối):

- Vị trí giám sát: Các vị trí tuyến đường dây cắt qua diện tích đất có rừng.

- Tần suất giám sát: thường xuyên trong giai đoạn phát quang.

- Thông số giám sát: phạm vi phát tuyến và xử lý thực bì từ quá trình phát quang.

5.2. Giai đoạn vận hành:

a) Giám sát điện trường:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí dọc theo tuyến đường dây 220kV và gần khu dân cư.

- Tần suất giám sát: 01 lần/12 tháng và khi có khiếu nại, khiếu kiện.

b) Giám sát thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: tại khu vực phát sinh, nơi lưu chứa và quá trình xử lý.
- Tần suất giám sát: hàng ngày trong suốt giai đoạn vận hành.

c) Giám sát xói mòn, sụt lở, sụt lún

- Vị trí giám sát: tại các móng cột.
- Tần suất giám sát: mùa khô 3 tháng/lần; mùa mưa: 01 lần/tháng.
- Quy định áp dụng: sớm phát hiện các nguy cơ trượt lở để có các biện pháp khắc phục kịp thời, phù hợp.

d) Giám sát phát quang hành lang tuyến

- Vị trí giám sát: tại khu vực phát sinh, nơi lưu chứa và quá trình xử lý.
- Tần suất giám sát: khi thực hiện phát quang trong suốt giai đoạn vận hành./.

